Họ tên: .............................................. Ngày .... tháng .... năm 2011

Lớp: .... Trường: ..............................

**BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I - LỚP 1**

**Môn: Toán - Năm học: 2011 – 2012**

*Thời gian làm bài: 40 phút ( không kể thời gian chép đề* *)*

**Câu 1: Viết: ( 2 điểm )**

1. Số thích hợp vào chổ chấm:

1,…., 3,…., 5,…., 7,…., 9, 10.

b. Viết các số: 4, 3, 5, 7, 10.

- Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....................................................................................

- Theo thứ tự từ lớn đến bé:....................................................................................

**Câu 2: Tính ( 2 điểm )**

a) 4 7 7 9

+

+

2 2 3 2

....... ......... ........ .........

b) 3 + 3 + 1 = ......; 6 + 2 = ......; 2 – 1 + 1 = ……..6 - 2 - 1 = ............

**Câu 3: ( 2 điểm )**

3 + 4 ..... 6 4 + 4 ...... 8

>

<

=

6 - 3 ..... 4 5 – 2 ..... 6 - 2

**Câu 4: ( 2 điểm )**

Số ?

4 + ..... = 5 5 ..... = 3

...... 3 = 1 6 + 2 = .......

Câu 5: Viết phép tính thích hợp ( 1 điểm )

- Có : 7 cây

- Trồng thêm : 3 cây

- Có tất cả : : ....cây?

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |

Câu 6: Trên hình bên có bao nhiêu hình tam giác: ( 1 điểm )

1. 4
2. 5
3. 6

**HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM MÔN TOÁN LỚP 1**

**CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2011 - 2012**

Câu 1 ( 2 điểm )

1. (1 điểm ) Điền đúng mỗi số được 0,25 điểm: 2,4,6,8.
2. (1 điểm ) Điền đúng mỗi câu được 0, 25 điểm ; 3,4,5,7,10 và 10,7,5,4,3.

Câu 2 ( 2 điểm )

1. ( 1 điểm ) Tính đúng mỗi kết quả được 0,25 điểm.6,9,4,7.
2. ( 1 điểm ) Tính đúng mỗi kết quả được 0,25 điểm. 7,8,2,3.

Câu 3 ( 2 điểm ) Điền đúng mỗi dấu được 0,5 điểm.

Câu 4 ( 2 điểm ) Điền đúng mỗi số được 0,5 điểm

Câu 5 ( 1 điểm ) Viết được phép tính và tính đúng. 7 + 3 = 10.

Câu 6 ( 1 điểm ) Khoanh đúng vào C

Họ tên: .............................................. Ngày .... tháng .... năm 2011

Lớp: .... Trường: ..............................

**BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - LỚP 1**

**Môn: Tiếng Việt - Năm học: 2011 – 2012**

**I.Kiểm tra đọc** (10 điểm):

1. Đọc thành tiếng:

a. Đọc vần: ung, ang, ôm, im, ôt, ong, ăm, anh.

b. Đọc từ: con ong, quả ớt, cột cờ, rau muống, sáng sớm, nương rẫy, buôn làng, vầng trăng.

c. Đọc câu: Hỏi cây bao nhiêu tuổi

Cây không nhớ tháng năm

Cây chỉ dang tay lá

Che tròn một bóng râm.

2. Nối ô chữ cho phù hợp:

cho bò.

Mẹ em

đi chợ.

Chị cắt cỏ

giảng bài.

Nải chuối

chín đỏ.

Cô giáo

3. Chọn vần thích hợp điền vào chỗ chấm:

- im hay iêm: kh........ tốn; xâu k........

- ung hay ưng: r.........núi, tr……..thu

**II. Kiểm tra viết** (10 điểm):

1. Đọc viết :
   1. Viết vần : ơt, uôn, iên, ung, in, at, yên, am.
   2. Viết Từ: trốn tìm, cháy đượm, con lươn, nhà trường.
2. Nhìn viết câu:

Con suối sau nhà rì rầm chảy. Đàn dê cắm cúi gặm cỏ bên sườn đồi.

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1**

**CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2011 - 2012**

**I.Kiểm tra đọc** (10 điểm):

1. Đọc thành tiếng

a. vần – (2 điểm):

Đọc đúng, to, rõ các âm, vần đảm bảo thời gian quy định ghi 0,25 điểm/vần.

Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/vần) không ghi điểm.

b. Đọc từ - (2 điểm):

Đọc đúng, to, rõ, đọc trôi chảy (0.25điểm/1 từ).

Đọc sai hoặc không đọc được (dừng quá 5 giây/ 1 từ) không ghi điểm.

c. Đọc câu – (2điểm):

Đọc đúng, to, rõ, trôi chảy (0,5điểm/1 dòng).

Đọc sai hoặc không được (dừng quá 5 giây/1 dòng) không ghi điểm.

2. Nối từ ngữ - (2 điểm):

Nối đúng: 0,5 điểm/1 cặp từ.

(Các cặp từ nối đúng: Mẹ em – đi chợ; Chị cắt cỏ- cho bò.

Nải chuối - chín đỏ; Cô giáo -giảng bài.

Nối sai hoặc không nối được - không ghi điểm.

3.Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống – (2 điểm):

Điền đúng: 0,5 điểm/ vần (các vần điền đúng: Khiêm tốn; xâu kim; rừng núi, trung thu).

Điền sai hoặc không điền được - không ghi điểm.

**II. Kiểm tra viết** (10 điểm):

1. Viết vần (2 điểm):

Viết đúng, thẳng dòng, đúng kích cỡ: 0,25 điểm/vần.

Tùy theo mức độ sai sót mà giáo viên ghi điểm cho phù hợp.

1. Viết từ (4 điểm):

Viết đúng, thẳng dòng, đúng kích cỡ: 1 điểm/1 từ.

Tùy theo mức độ sai sót mà giáo viên ghi điểm cho phù hợp.

1. Viết câu (4 điểm):

-Viết đúng các từ ngữ trong câu, thẳng dòng, đúng cỡ chữ ghi 2 điểm/ câu.

- Viết không đều nét, không đúng cỡ chữ ghi 1 điểm/ câu.

- Viết sai, hoặc không viết được không ghi điểm.

Tùy theo mức độ sai sót mà giáo viên ghi điểm cho phù hợp.